

BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 3

Chủ đề: Thì Quá Khứ Đơn (Past Simple Tense)

Họ và tên:

Lớp: 3..... | Ngày:

ÔN TẬP LÝ THUYẾT NẮM CHẮC KẾT CẤU

(+) Khẳng định:

S + V-ed / V2

Ex: I played soccer yesterday.

(-) Phủ định:

S + did NOT (didn't) + V-nguyên thể

Ex: She didn't watch TV.

(?) Nghi vấn:

Did + S + V-nguyên thể?

Ex: Did you go to school?

DẠNG 1: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG (MULTIPLE CHOICE)

Em hãy khoanh tròn hoặc gạch chân đáp án đúng nhất để hoàn thành câu:

Yesterday, my brother A. play / B. played / C. playing football in the park.

She A. didn't go / B. didn't went / C. not go to school last Sunday.

A. Do / B. Does / C. Did you help your mom cook dinner yesterday evening?

They A. visit / B. visited / C. visiting their grandparents two days ago.

Tom A. doesn't eat / B. didn't ate / C. didn't eat breakfast this morning.

A. Did / B. Were / C. Was Mai watch a cartoons movie last night? - Yes, she did.

We A. have / B. had / C. haved a wonderful picnic last weekend.

My teacher A. was / B. were / C. is very happy yesterday.

DẠNG 2: BÀI TẬP CÂU KHẲNG ĐỊNH (+)

Chia động từ trong ngoặc ở dạng quá khứ đơn (thêm -ed hoặc động từ bất quy tắc):

I _____ (clean) my bedroom yesterday morning.

Nam _____ (listen) to music after school yesterday.

My family _____ (go) to the beach last summer.

They _____ (drink) milk for breakfast.

She _____ (buy) a beautiful new school bag two days ago.

We _____ (paint) a big picture in art class last Monday.

The cat _____ (jump) over the chair a few minutes ago.

Mẹo nhỏ cho bé: Các từ nhận biết thì Quá khứ đơn: yesterday (hôm qua), last (trước: last week, last month), ago (cách đây: 2 days ago).

DẠNG 3: BÀI TẬP CÂU PHỦ ĐỊNH (-)

Chuyển các câu khẳng định sau sang dạng phủ định (dùng **didn't + V-nguyên thể**):

Ví dụ: He played badminton. → He **didn't play** badminton.

Linh walked to school yesterday.

→ Linh _____

They watched TV last night.

→ They _____

My father washed his car last weekend.

→ My father _____

We ate pizza for lunch.

→ We _____

She did her homework yesterday evening.

→ She _____

DẠNG 4: BÀI TẬP CÂU NGHI VẤN (CÂU HỎI ?)

Hoàn thành câu hỏi và viết câu trả lời ngắn (Yes/No):

_____ you _____ (visit) your aunt yesterday?

→ Yes, I _____.

_____ Peter _____ (play) chess with you last night?

→ No, he _____.

_____ they _____ (go) to the zoo last Sunday?

→ Yes, they _____.

_____ your mother _____ (buy) a new hat?

→ No, she _____.

DẠNG 5: SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Sắp xếp các từ xáo trộn thành câu đúng:

played / We / yesterday / games / .

→ _____

not / She / did / come / party / to the / .

→ _____

Did / see / you / teacher / your / ?

→ _____

read / I / a / storybook / night / last / .

→ _____